

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2022/DS-ST

Ngày 19-12-2022

V/v “Ly hôn, nuôi con chung, trả nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2020/TLST-HN ngày 12/5/2020, về việc “Ly hôn, nuôi con chung, trả nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2022/QĐXXST-HN ngày 10/11/2022, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị N, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn Đ, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Nguyễn Duy H, sinh năm 1978;

Trú tại: Thôn H, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: Đang chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1964;

Trú tại: Thôn T, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyễn Thị D, sinh năm 1972;

Trú tại: Thôn Đ, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy H kết hôn vào ngày 13/8/2008 tại UBND xã Ân Hữu; vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Năm 2017, vợ chồng mua xe ô tô 5 chỗ cho ông H chạy taxi; từ đó ông H thường xuyên chơi bời ngoài đường, không quan tâm gì đến vợ con; ông H ngoại tình với người khác, thường xuyên vắng nhà; từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc ông H đánh bà. Năm 2019, ông H phạm tội nên bị tòa án xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông H. Về con chung có 03 đứa: Nguyễn Trường V, sinh ngày 17/8/2003; Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 10/7/2005; Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/12/2009; bà yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Về tài sản chung thì nhà và đất ở đã bán trả nợ cho Ngân hàng nên bà không yêu cầu. Về nợ chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống, có nợ tiền thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị D 20.000.000đ, nợ bà Nguyễn Thị T 26.229.500đ; các khoản nợ này bà N chấp nhận trả nợ cho bà T, còn ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà D. Đối với số nợ ông H trình bày là do ông H tự vay mượn, bà không biết, nên bà không chấp nhận.

Tại Trại giam Kim Sơn, ông Nguyễn Duy Hải trình bày: Về việc kết hôn, về con chung thì ông thống nhất như bà Nhân trình bày. Nguyên nhân bà Nhân ly hôn là do ông đang chấp hành án thời gian dài, nay ông cũng thống nhất ly hôn với bà Nhân. Về con chung có 03 đứa như bà Nhân trình bày, hiện nay ông đang chấp hành án nên không thể nuôi con, ông đồng ý để cho bà Nhân nuôi; sau khi chấp hành án xong thì ông sẽ yêu cầu thay đổi việc nuôi con. Về tài sản chung thì không có. Về nợ chung: Trong thời gian vợ chồng còn sống chung có nợ bà Hân 15.000.000đ, nợ bà Kiều 7.000.000đ, nhưng hiện nay bà Hân và bà Kiều ở đâu thì ông không biết địa chỉ cụ thể; ông yêu cầu bà Nhân phải có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Trúc trình bày: Trong thời gian vợ chồng Hải, Nhân còn chung sống thì có mua nợ thức ăn gia súc của bà để chăn nuôi; đến năm 2018 còn nợ 26.229.500đ. Nay vợ chồng Nhân, Hải ly hôn thì bà yêu cầu vợ chồng có trách nhiệm trả nợ cho bà; nay bà chấp nhận để bà Nhân trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Dung trình bày: Trong thời gian vợ chồng Hải, Nhân còn chung sống thì có mua nợ thức ăn gia súc của bà để chăn nuôi; đến năm 2013 còn nợ 20.000.000đ. Nay vợ chồng Nhân, Hải ly hôn thì bà yêu cầu vợ chồng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Đại diện VKSND huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng; tổ chức phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng qui định; nhưng thời gian chuẩn bị xét xử còn để quá hạn. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện việc xét xử công khai; nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đảm bảo theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật TTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nhân và ông Hải; về con chung giao 03 con chung cho bà Trần Thị Nhân nuôi dưỡng, công nhận sự tự nguyện của bà Nhân về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không xem xét. Về nợ chung: Không chấp nhận các khoản nợ do ông Hải cung cấp; chấp nhận các khoản nợ chung do bà Nhân trình bày; đối với số nợ của bà Trúc thì giao cho bà Nhân trả; còn số nợ của bà Dung thì giao cho ông Hải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Năm 2008, bà Trần Thị Nhân và ông Nguyễn Duy Hải có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Hữu; hôn nhân này là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Nhân và ông Hải có nhiều bất đồng, mâu thuẫn nhau, nên bà Nhân yêu cầu ly hôn với ông Hải, yêu cầu nuôi con chung, trả nợ chung. Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, nuôi con chung, tranh chấp về trả nợ chung, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án. Ông Nguyễn Duy Hải có hộ khẩu thường trú tại Ân Hữu, Hoài Ân, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2, nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 238 của Bộ Luật TTDS.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự; năm 2008, bà Trần Thị Nhân và ông Nguyễn Duy Hải có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Hữu, vợ chồng sống có hạnh phúc, có được 03 con chung; tạo lập tài sản chung là ngôi nhà và thửa đất ở tại Hà Đông, Ân Hữu, Hoài Ân. Đến năm 2017, vợ chồng mua xe ô tô để ông Hải chạy tắc xi; từ thời gian đó, ông Hải thường xuyên vắng nhà, quan hệ ngoại tình, không quan tâm gì đến vợ con, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Đến năm 2019, ông Hải phạm tội, TAND cấp cao tại Đà Nẵng xử phúc thẩm, tuyên phạt 08 năm tù; hiện nay ông Hải đang chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn; một mình và Nhân ở nhà làm ăn nuôi con, ông Hải không thể chăm lo cho gia đình. Khoản tiền nợ Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Hoài Ân bà Nhân không trả được, nên Ngân hàng đã phát mãi ngôi nhà của vợ chồng để thu hồi nợ; còn lại khắc phục

hậu quả cho người bị hại; bà nhân đưa con về chung sống với cha mẹ và làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Hải, ông Hải cũng thuận tình ly hôn với bà Nhân. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Trần Thị Nhân và ông Nguyễn Duy Hải đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, nếu có để kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nhân và ông Hải là phù hợp với qui định tại điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Nhân và ông Nguyễn Duy Hải có 03 con chung là Nguyễn Trường Vũ, sinh ngày 17/8/2003; Nguyễn Thị Tố Quyên, sinh ngày 10/7/2005; Nguyễn Thị Quỳnh Như; cháu Vũ hiện nay đã trưởng thành, đang làm tại TP. Hồ Chí Minh; còn cháu Quyên và cháu Như hiện nay đang ở với bà Nhân. HĐXX xét thấy, từ ngày ông Hải đi chấp hành án thì bà Nhân là người trực tiếp nuôi con; hiện nay bà Nhân đã xây dựng nhà tại phía cha mẹ, nuôi các con ăn học; cháu Quyên và Như đều có nguyện vọng ở với bà Nhân; thực tại hiện nay ông Hải còn đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi con. Do vậy cần tiếp tục giao 02 cháu Quyên và Như cho bà Nhân nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Nhân không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung:

[5.1] Theo trình bày của bà Nhân và người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ các bên giao nộp, thì trong thời gian còn sống chung, vợ chồng có chăn nuôi heo, có mua nợ thức ăn gia súc, đến nay còn nợ bà Nguyễn Thị Trúc 26.229.500đ; nợ bà Nguyễn Thị Dung 20.000.000đ. Bà Nhân thống nhất đây là nợ chung, nên vợ chồng phải có trách nhiệm cùng trả. Tại phiên hòa giải thì bà Nhân chấp nhận trả số nợ cho bà Trúc là 26.229.500đ, còn ông Hải trả cho bà Dung 20.000.000đ; yêu cầu của bà Nhân là có cơ sở để xem xét chấp nhận, vì 2 khoản nợ này là nợ chung, bà Nhân tự nguyện trả cho bà Trúc thì ông Hải phải có trách nhiệm trả cho bà Dung.

[5.2] Đối với ông Hải không thừa nhận các khoản nợ tiền thức ăn gia súc như bà Nhân trình bày, ông cho rằng giao trách nhiệm trả nợ cho bà Nhân. Xét các khoản nợ do bà Nhân trình bày là đúng thực tế, vì bà Dung và bà Trúc đều có tài liệu chứng minh việc vợ chồng mua thức ăn gia súc, vợ chồng đều ký xác nhận vào sổ hợp đồng mua bán. Do vậy bà Nhân đã tự nguyện trả số nợ cho bà Trúc; nên cần buộc ông Hải phải trả số tiền 20.000.000đ cho bà Dung là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các khoản nợ ông Hải trình bày còn nợ của bà Hân 15.000.000đ, nợ bà Kiều 7.000.000đ, nhưng ông Hải không chứng minh được việc vay mượn để sử dụng mục đích gì, bà Nhân cũng không thừa nhận; ông Hải cũng không cung cấp được địa chỉ của những người cho mượn tiền, nên không thể làm rõ số nợ đó; do vậy các khoản nợ ông Hải trình bày HĐXX không xem xét.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện VKSND huyện Hoài Ân phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[7] Về án phí : Bà Trần Thị Nhân phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; bà Nhân và ông Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền trả nợ, theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí, án phí của tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 238 của Bộ luật TTDS 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Duy H.
2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 10/7/2005; Nguyễn Thị Quỳnh N sinh ngày 04/12/2009 cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung:

- Bà Trần Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T 26.299.500đ.
- Ông Nguyễn Duy H phải trả cho bà Nguyễn Thị D 20.000.000đ.

5. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006087 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp 1.311.000đ. Ông Nguyễn Duy H phải nộp 1.000.000đ. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010537 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Ân;
- Chi cục THA dân sự H. Hoài Ân;
- Các đương sự;
- UBND xã Ân Hữu;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa